TAND HUYỆN YÊN THẾ **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 12/2019/QĐST-DS	*Yên Thế, ngày 16 tháng 4 năm 2019*

QẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 26; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Qết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 4 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải Qết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 06/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải Qết toàn bộ vụ án là tự nguyện. Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị P, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Bản CT, xã CN, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Ông Ân Văn C, sinh năm 1967.

Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1969.

Bà Q ủy Qền cho ông Ân Văn C, sinh năm 1967 theo giấy ủy quyền ngày 23-01-2019.

Cùng địa chỉ: Bản TH, xã ĐT, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nghĩa vụ trả nợ: Chị Hoàng Thị P và ông Ân Văn C thống nhất thỏa thuận: Ông C và bà Q có trách nhiệm trả cho chị P số tiền gốc là 34.517.000 đồng (Ba mươi tư triệu năm trăm mười bẩy nghìn đồng). Chị P không yêu cầu ông C, bà Q phải trả lãi chậm trả.

Thời hạn trả nợ như sau:

- Lần 1: Ngày 05-5-2019 ông C, bà Q trả chị P 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Lần 2: Ngày 05-6-2019 ông C, bà Q trả chị P 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Lần 3: Ngày 05-7-2019 ông C, bà Q trả chị P 14.517.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm mười bẩy nghìn đồng).

- Về tiền án phí: Chị P, ông C, bà Q đều thuộc đối tượng người dân tộc thiểu số sống tại vùng có điều kiện kinh tê - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí.

3. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Trang